

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11-5-2023

*V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN H1ỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Tùng.

2. Bà Trần Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 306/2022/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2023.

1. *Nguyên đơn:* Anh Hà Văn H, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị L, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, H1ện C, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã Kiên Đài, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hà Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị L được tự do tìm hiểu tự nguyện chung sống với nhau từ đầu năm 2017, đến ngày 25/9/2018 đăng ký kết hôn tại

UBND xã Y, huyện C. Sau khi kết hôn anh H và chị L chung sống cùng nhau tại thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H, chị L không tin tưởng lẫn nhau, anh H và chị L cùng đi làm công ty với nhau, nhưng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn khi cùng đi làm, anh H nghi ngờ chị L có quan hệ với người đàn ông khác. Anh H, chị L đã sống ly thân từ ngày 30/4/2019 đến nay.

Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh H, chị L có 01 con chung là cháu Hà Anh H1, sinh ngày 02/8/2017, khi ly hôn anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H1, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi chị Hoàng Thị L đến để giải quyết việc anh Hà Văn H đề nghị ly hôn nhưng chị L đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay chị L đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của bà Lương Thị U (mẹ đẻ của chị Hoàng Thị L) thì anh H và chị L có được tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương năm 2017 và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Y, huyện C vào năm 2018. Sau khi cưới thì vợ chồng anh H, chị L sống tại thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Giữa anh H, chị L có phát sinh mâu thuẫn nhưng do nguyên nhân gì bà không biết. Đến năm 2021 chị L sống ly thân với anh H và về nhà bà sinh sống. Hiện nay chị L đang đi làm tại huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể, quá trình Tòa án thông báo giải quyết vụ việc bà có nhận được các Thông báo của tòa án và đã thông báo cho chị L biết, nhưng do điều kiện công việc chị L không đến tòa án làm việc được. Quá trình chung sống chị L, anh H có 01 người con chung là cháu Hà Anh H1, sinh ngày 02/8/2017, hiện nay cháu H1 đang ở cùng anh H.

Tại phiên tòa, anh H xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến tại bản tự khai, chị L được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của anh Hà Văn H, cho anh Hà Văn H được ly hôn với chị Hoàng Thị L.

- Về con chung: Giao cháu Hà Anh H1, sinh ngày 02/8/2017 cho anh Hà Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hoàng Thị L không phải

cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Hà Văn H xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Hà Văn H phải chịu toàn bộ tiền phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Chị Hoàng Thị L không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Anh Hà Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho anh ly hôn với chị Hoàng Thị L; Chị Hoàng Thị L có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Y, H1ện C. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Hà Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Hoàng Thị L đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do, nên cần áp dụng các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện C đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tố tụng văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn H và chị Hoàng Thị L có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại UBND xã Y, huyện C nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H, chị L không tin tưởng lẫn nhau, anh H và chị L cùng đi làm công ty với nhau, nhưng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn khi cùng đi làm, anh H nghi ngờ chị L có có quan hệ với người đàn ông khác. Anh H, chị L đã sống ly thân từ ngày 30/4/2019 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng anh H, chị L không có sự gắn kết, chia sẻ trong cuộc sống để xây dựng một gia đình hạnh phúc; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của anh H, chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hà Văn H.

[2.2] Về con chung: Anh H, chị L có 01 con chung là cháu Hà Anh H1, sinh ngày 02/8/2017, xét thấy cháu H1 hiện nay đang ở cùng anh H, chị L vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ việc, không có ý kiến đối với việc nuôi dưỡng cháu H1, nên cần giao cho anh Hà Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Chị Hoàng Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Hà Văn H xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Hà Văn H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định tại các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L không phải chịu tiền áp phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 ; các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn ” của anh Hà Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Hà Văn H được ly hôn với chị Hoàng Thị L.

2. Về con chung : Giao cháu Hà Anh H1, sinh ngày 02/8/2017 cho anh Hà Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hoàng Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Anh Hà Văn H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Anh H đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0006042, ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự H1ện C, nay được cH1ền thành tiền án phí. Anh H đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Hoàng Thị L không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Hà Văn H, chị Hoàng Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND H1ện C;
- UBND xã Y;
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Bích Ngọc

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H1ện C;
- UBND xã Y;
- Chi cục THADS H1ện C;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Bích Ngọc

